

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ- ST

Ngày: 07-6-2019

*“V/v Tranh chấp về hôn nhân và
gia đình ”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đức và ông K’ Ba.

Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 01/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2019, về việc *“Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2019/QĐST – HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1971 (Có mặt).*

Địa chỉ: Thôn 2 (Bon Kon Hao) xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

2. *Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1973 (Vắng mặt).*

Địa chỉ: Thôn 2 (Bon Kon Hao) xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai có trong hồ sơ nguyên đơn anh Nguyễn Đình T trình bày:

Anh Nguyễn Đình T và chị Nguyễn Thị H tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 11-12-1995, tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang, đến tháng 12-1996 vào xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông làm ăn và sinh sống. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều bất đồng mâu thuẫn, chị H không chung thủy, có những mối quan hệ xã hội không trong sáng, ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, do vậy mâu thuẫn trầm trọng và hạnh phúc không đạt được, cuộc sống

chung không thể kéo dài, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh T và chị Nguyễn Thị H có 02 con chung, con trai lớn là Nguyễn Đình H, sinh năm 1996, đã thành niên không yêu cầu giải quyết và cháu Nguyễn Đình T, sinh ngày 08-12-2003, nguyện vọng của anh là nuôi cháu Nguyễn Đình Toàn và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị H: Không chấp hành làm việc theo Giấy triệu tập của Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án xác minh tại Công an xã Đ, chị Nguyễn Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện sinh sống tại: Thôn 2 (Nay là bon K), xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, tuy nhiên chị H cố tình trốn tránh không hợp tác làm việc, do đó Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định của pháp luật. Do không tiến hành hòa giải được, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không hợp tác làm việc, không chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, việc giải quyết xét xử vắng mặt chị Hải là có căn cứ pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh T và chị H sinh sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn 2 (Nay là bon K), xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, do vậy anh T khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong yêu cầu giải quyết ly hôn chị Nguyễn Thị H theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của anh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn chị Nguyễn Thị H và nuôi con chung. HĐXX nhận định:

Về quan hệ vợ chồng: Anh T và chị H tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 11-12-1995, tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang, đến tháng 12-1996 vào xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông làm ăn và sinh sống. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều bất đồng mâu thuẫn, chị H không chung thủy, có những mối quan hệ xã hội không trong sáng, ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, hạnh phúc không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị H. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh tại Công an xã Đ, kết quả thể hiện anh T và chị H có mâu thuẫn bất đồng Công an xã có nắm bắt nhưng không yêu cầu

giải quyết. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị H đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc không đạt được. Căn cứ vào Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn chị Nguyễn Thị H của anh Nguyễn Đình T là phù hợp.

Về con chung: Anh T có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Đình T và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu T, cháu có nguyện vọng được anh T chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Do chị H cố tình trốn tránh, không hợp tác làm việc theo Giấy triệu tập của Tòa án, do đó căn cứ các Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của anh T tuyên giao cháu Nguyễn Đình T sinh ngày 08-12-2003 cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc trực tiếp đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị H: Quá trình giải quyết vụ án không hợp tác làm việc, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Chị H vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không lý do. Xét thấy việc xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ pháp luật.

[3]. Về án phí: anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điều a Khoản 1 Điều 35; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đình T.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đình T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình T, sinh ngày 08-12-2003 cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc trực tiếp đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Đình T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu

tiền tạm ứng án phí số 0003832 ngày 27-12-2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Glong. Anh T đã nộp xong án phí.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- CCTHADS huyện Đắk Glong;
- Các đương sự;
- UBND xã Đắk Ha;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Thành

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- CCTHADS huyện Đắk Glong;
- Các đương sự;
- UBND xã Đắk Ha;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Thành

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- CCTHADS huyện Đắk Glong;
- Các đương sự;
- UBND xã Đắk Som;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Thành